

**BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG**

**Tháng: 6 (Đợt 1)**

1. **Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp
2. **Ngày quan trắc:** 17 – 18/06/2020 **Ngày cung cấp TT:** 18/06/2020
3. **Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	1	Cống Như Trác	Cống mở.
2	2	Cống Hữu Bị	Cống mở.
3	3	Cống Cốc Thành	Cống đóng.
4	4	Cống sông Chanh	Cống đóng.
5	5	Cống Nhâm Tràng	Cống mở.
6	6	Cống Kinh Thanh	Cống đóng.
7	7	Cống Cỏ Đam	Cống đóng.
8	8	Cống Vĩnh Trị	Cống đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập đóng.
10	13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Cống mở.
11	15	Đập Biên Hòa	Đập đóng.
12	16	Đập Vùa (CG12)	Đập đóng.

4. **Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 20 vị trí

5. **Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

**Người cung cấp thông tin:** Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. **Đơn vị nhận thông tin:** Tổng cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

## KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

### Bảng tóm tắt:

**Cần cứ theo các quy chuẩn:** QCVN 08:2015 và kết quả đo đạc tại hiện trường, nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Cống Như Trác, Cổng Hữu Bị.**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Sông Chanh, Cổng Vĩnh Trị, Đập La Chợ, Cầu Chủ (sông Châu Giang).**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Cốc Thành, Cổng Nhâm Tràng, Cổng Kinh Thanh, Cổng Cổ Dam, Đầu kênh T3, Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21), Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập An Bài (sông Châu Giang), TB Triệu Xá (sông Châu Giang), Đập Biên Hòa, Đập Vùa (CG12), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Đầu kênh C19, Đầu kênh T6.**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Dùng cho giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp: **Các vị trí đạt các giới hạn trên.**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên: Không có vị trí nào

### Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<b>QCVN 08:2015 A1</b>				6 – 8.5		6		0.3	2		
<b>QCVN 08:2015 A2</b>				6 – 8.5		5		0.3	5		
<b>QCVN 08:2015 B1</b>				5.5 – 9		4		0.9	10		
<b>QCVN 08:2015 B2</b>				5.5 – 9		2		0.9	15		
1	Cổng Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng nóng, t° = 31°C, độ ẩm 71%, gió Nam 22 km/h, mật độ mây 69%. Dòng chảy vừa, cống mở, đang lấy nước vào nội đồng. Hai bên bờ sạch. Nước màu vàng	7.63	8.2	6.17	0.1	0.078	1.607	187	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Đủ điều kiện bảo tồn động,</b>

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
			lục.								thực vật thủy sinh.
2	Cống Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng nóng, t° = 31°C, độ ẩm 74%, gió TN 23 km/h, mật độ mây 76%. Cống mở, dòng chảy chậm, nước đang được lấy vào nội đồng. Nước màu vàng lục.	7.65	14	6.13	0.1	0.093	1.490	177	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
3	Cống Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời nắng nóng, t° = 29°C, độ ẩm 82%, gió Nam 25 km/h, mật độ mây 79%. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm đang hoạt động lấy nước từ kênh tiêu lên. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu vàng lục.	7.13	21.6	4.81	0.3	0.287	2.160	416	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
4	Cống Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời nắng nóng, t° = 29°C, độ ẩm 79%, gió TN 25 km/h, mật độ mây 80%. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu	7.49	54.2	5.1	0.1	0.140	1.301	218	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật</b>

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
			vàng lục.								<b>thủy sinh.</b>
5	Công Nhâm Tràng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	Trời nắng nóng, t° = 35°C, độ ẩm 61%, gió Nam 18 km/h, mật độ mây 100%. Cổng mở, trạm bơm đang lấy nước, dòng chảy chậm. Nước màu xanh lục.	7.18	21.5	4.51	0.3	0.544	2.156	472	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
6	Công Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời nắng nóng, t° = 35°C, độ ẩm 60%, gió Nam 18 km/h, mật độ mây 100%. Cổng đóng, không có dòng chảy, trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng thấp hơn ngoài sông. Nước màu xanh lục.	7.37	15.8	4.32	0.3	0.210	2.021	372	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
7	Công Cổ Đam	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời nắng nóng, t° = 36°C, độ ẩm 60%, gió NĐN 15 km/h, mật độ mây 100%. Cổng đóng, không có dòng chảy, trạm bơm đang lấy nước từ kênh tiêu lên để tưới. Nước màu nâu đục.	7.37	22.9	4.91	0.3	0.225	2.363	379	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Khuyến cáo sử dụng	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>			6 – 8.5		6		0.3	2			
<i>QCVN 08:2015 A2</i>			6 – 8.5		5		0.3	5			
<i>QCVN 08:2015 B1</i>			5.5 – 9		4		0.9	10			
<i>QCVN 08:2015 B2</i>			5.5 – 9		2		0.9	15			
8	Cống Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nắng nóng, t° = 30°C, độ ẩm 77%, gió TN 26 km/h, mật độ mây 82%. Cống đóng, không có dòng chảy. Thượng lưu cống có bèo. Cống Vĩnh Trị 1 đang tiêu nước ra sông. Nước màu vàng đục.	7.31	18.7	5.49	0.2	0.148	2.790	293	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	Trời nắng nóng, t° = 29°C, độ ẩm 82%, gió Nam 25 km/h, mật độ mây 79%. Dòng chảy chậm, hướng về Sông Chanh. Trên sông có nhiều bèo. Nước màu vàng lục.	6.89	25.8	4.74	0.3	0.233	1.280	403	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
10	Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng nóng, t° = 32°C, độ ẩm 67%, gió TN 18 km/h, mật độ mây 70%. Nước đứng, không có dòng chảy. Hạ lưu cầu dày đặc bèo. Nước màu vàng lục.	7.17	30.5	4.6	0.2	0.210	4.500	351	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
11	Cầu đường	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống	Trời nắng nóng, t° = 29°C, độ ẩm 78%, gió	7.26	25.7	4.41	0.3	0.264	3.218	372	<b>Đủ điều kiện</b>

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
<i>QCVN 08:2015 A1</i>				6 – 8.5		6		0.3	2			
<i>QCVN 08:2015 A2</i>				6 – 8.5		5		0.3	5			
<i>QCVN 08:2015 B1</i>				5.5 – 9		4		0.9	10			
<i>QCVN 08:2015 B2</i>				5.5 – 9		2		0.9	15			
	10 với sông Sắt	sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	TN 22.7 km/h, mật độ mây 81%. Nước đứng, không có dòng chảy. Chân cầu có rác thải sinh hoạt. Nước màu vàng lục.									<b>dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng nóng, t° = 32°C, độ ẩm 68%, gió TN 19 km/h, mật độ mây 69%. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước sông Châu Giang cao hơn. Hạ lưu đập dày đặc bèo. Nước màu vàng lục.	6.84	16.6	4.65	0.2	0.319	3.150	294	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>	
13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục và Huyện thanh Liêm.	Trời nắng nóng, t° = 33°C, độ ẩm 64%, gió Nam 17 km/h, mật độ mây 67%. Dòng chảy rất chậm, cống mở, trạm bơm đang hoạt động lấy nước lên kênh tưới. Nước màu vàng lục.	7.76	24.2	4.7	0.2	0.210	4.005	291	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>	
14	Đập La Chợ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết	Trời nắng nóng, t° = 31°C, độ ẩm 74%, gió TN 23 km/h, mật độ	6.98	53.6	5.8	0.1	0.148	1.494	249	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới,</b>	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Khuyến cáo sử dụng	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
		hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	mây 76%. Nước đứng, không có dòng chảy. Chân đập có nhiều rác thải sinh hoạt. Nước màu vàng lục.								<b>tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
15	Đập Biên Hòa	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng nóng, t° = 32°C, độ ẩm 67%, gió TN 18 km/h, mật độ mây 70%. Không có dòng chảy, đập đóng. Hai bên bờ kênh sạch. Nước màu vàng lục.	6.95	24.5	4.82	0.3	0.482	5.400	390	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
16	Đập Vùa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời nắng nóng, t° = 31°C, độ ẩm 70%, gió TN 26 km/h, mật độ mây 72%. Không có dòng chảy, đập đóng. Hai bờ có rác thải sinh hoạt. Nước màu xanh lục.	7.5	29.2	4.6	0.3	0.396	2.970	379	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
17	Cầu Chủ (sông Châu	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời nắng nóng, t° = 32°C, độ ẩm 68%, gió TN 19 km/h, mật độ mây 69%.	7.67	13.6	5.48	0.1	0.202	1.447	256	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>			6 – 8.5		6		0.3	2			
<i>QCVN 08:2015 A2</i>			6 – 8.5		5		0.3	5			
<i>QCVN 08:2015 B1</i>			5.5 – 9		4		0.9	10			
<i>QCVN 08:2015 B2</i>			5.5 – 9		2		0.9	15			
	Giang)		Dòng chảy chậm, nước chảy từ Hữu Bị về. Trên sông có bèo. Nước màu vàng lục. Khu vực lấy mẫu nhận nước thải chăn nuôi xã Ngọc Lũ và các xã phía thượng lưu.								<b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời nắng nóng, t° = 35°C, độ ẩm 60%, gió NĐN 12 km/h, mật độ mây 95%. Dòng chảy chậm về hướng Cổ Đam. Mực nước trung bình. Nước màu nâu đục.	7.25	21.7	4.76	0.3	0.443	1.971	382	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
19	Đầu kênh C19	Đánh giá nhanh chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Trời nắng nóng, t° = 29°C, độ ẩm 82%, gió Nam 25 km/h, mật độ mây 80%. Nước đứng, không có dòng chảy. Khu vực lấy mẫu tiếp nhận nước thải KCN Bảo Minh. Nước màu vàng lục. Hai bên bờ kênh sạch.	7.07	21.6	4.54	0.8	0.412	3.848	1050	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
20	Đầu kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới	Trời nắng nóng, t° = 30°C, độ ẩm 75%, gió TN 25 km/h, mật độ	6.75	24.2	4.67	0.3	0.319	2.340	490	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới,</b>



Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
		cho khu vực huyện Vụ Bản.	mây 80%. Nước đứng, không có dòng chảy. Hai bên bờ kênh nhiều bèo. Nước màu vàng đục. Khu vực lấy mẫu nhận nước thải chăn nuôi từ các hộ gần chân cầu.								<b>tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>

*Ghi chú:*

**QCVN 08:2015 A1:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

**QCVN 08:2015 A2:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

**QCVN 08:2015 B1:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

**QCVN 08:2015 B2:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2020

**ĐƠN VỊ QUAN TRẮC**